HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 43

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.143.189.471**	**5.241.413.414**
110	***I. Tiền***		***1.324.650.001***	***601.272.163***
111	1. Tiền	4	1.324.650.001	601.272.163
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***3.464.683.686***	***4.233.468.729***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	752.189.268	376.927.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	148.537.998	151.781.582
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.467.837.311	2.605.187.503
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.096.119.109	1.099.606.779
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(34.206)
140	***III. Hàng tồn kho***		***270.460.948***	***309.065.841***
141	1. Hàng tồn kho	9	270.460.948	309.065.841
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***83.394.836***	***97.606.681***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		510.438	4.653.327
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		793.045	11.170.114
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	82.091.353	81.783.240
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**22.933.204.319**	**17.908.941.293**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***10.948.743.135***	***8.191.042.904***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.662.879.355	7.971.021.244
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	285.863.780	220.021.660
220	***II. Tài sản cố định***		***264.663.794***	***432.076.145***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	250.211.543	379.235.897
222	Nguyên giá		334.330.571	489.532.279
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.119.028)	(110.296.382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	14.452.251	52.840.248
228	Nguyên giá		20.371.973	57.360.406
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.919.722)	(4.520.158)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***13***	***13.876.091***	***95.434.635***
231	1. Nguyên giá		15.001.180	96.184.694
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.125.089)	(750.059)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***183.172.165***	***78.727.897***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	183.172.165	78.727.897
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***		***11.508.378.681***	***9.095.874.286***
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	11.437.505.856	8.824.915.498
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	16.850.000	238.962.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	54.022.825	31.996.288
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***14.370.453***	***15.785.426***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	14.370.453	15.785.426
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**28.076.393.790**	**23.150.354.707**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**15.839.591.030**	**11.434.968.546**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***7.093.546.995***	***5.846.110.498***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	252.560.794	65.146.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.387.867.770	891.109.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	117.994.023	19.230.207
314	4. Phải trả người lao động		12.571.875	9.614.077
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	178.114.821	251.851.172
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	683.880.707	944.557.436
320	7. Vay ngắn hạn	22	4.440.846.888	3.611.437.595
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.710.117	53.164.217
330	***II. Nợ dài hạn***		***8.746.044.035***	***5.588.858.048***
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	1.385.096
338	2. Vay dài hạn	22	8.739.460.671	5.580.874.703
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.583.364	6.598.249
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**12.236.802.760**	**11.715.386.161**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***23.1***	***12.236.802.760***	***11.715.386.161***
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.899.679.470*	*7.899.679.470*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		276.903.170	249.756.283
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		521.827.976	27.558.264
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*27.381.864*	-
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*494.446.112*	*27.558.264*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**28.076.393.790**	**23.150.354.707**

Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Hồ Thị Kim Chi	Võ Trường Sơn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Quý III*		*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**24.1**	**593.721.750**	**228.699.750**	**1.878.150.040**	**809.432.551**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**24.1**	**-**	**-**	**(35.528)**	**(904.000)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**24.1**	**593.721.750**	**228.699.750**	**1.878.114.512**	**808.528.551**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**25**	**(395.216.246)**	**(158.541.087)**	**(1.207.329.654)**	**(608.927.739)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**198.505.504**	**70.158.663**	**670.784.858**	**199.600.812**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**24.2**	**296.659.970**	**380.780.219**	**854.821.678**	**848.487.944**
22	**7. Chi phí tài chính**	**26**	**(321.504.703)**	**(224.540.592)**	**(881.362.353)**	**(702.922.521)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(320.655.689)*	*(249.366.374)*	*(878.483.364)*	*(696.209.826)*
25	**8. Chi phí bán hàng**		**(10.348.530)**	**(9.244.458)**	**(34.628.511)**	**(43.220.723)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(23.333.269)**	**(21.532.189)**	**(77.558.548)**	**(70.824.578)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**139.978.972**	**195.621.643**	**532.057.124**	**231.120.934**
31	**11. Thu nhập khác**	**27**	**2.971.523**	**670.904**	**160.526.622**	**2.761.075**
32	**12. Chi phí khác**	**27**	**(3.006.991)**	**(605.250)**	**(4.597.048)**	**(2.160.143)**
40	**13. (Lỗ) lợi nhuận khác**	**27**	**(35.468)**	**65.654**	**155.929.574**	**600.932**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Quý III*		*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**139.943.504**	**195.687.297**	**687.986.698**	**231.721.866**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**28**	**(27.472.768)**	**(19.523.771)**	**(145.048.964)**	**(28.134.881)**
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**112.470.736**	**176.163.526**	**542.937.734**	**203.586.985**

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**687.986.698**	**231.721.866**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11,12,13	13.920.457	18.664.408
03	Các khoản dự phòng		(34.206)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.108.542.745)	(839.034.227)
06	Chi phí lãi vay	26	878.483.364	696.209.826
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**471.813.568**	**107.561.873**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		102.197.671	(78.053.826)
10	Giảm hàng tồn kho		38.604.893	90.417.965
11	Tăng các khoản phải trả		439.902.564	278.130.242
12	Giảm chi phí trả trước		5.557.862	7.094.187
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.040.864.663)	(738.592.685)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(59.474.984)	(49.894.060)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.627.972)	(13.535.124)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(55.891.061)**	**(396.871.428)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(44.626.327)	(46.313.565)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		394.564.338	50.836.802
23	Tiền chi cho vay		(6.487.416.408)	(4.563.172.255)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.280.342.296	2.395.305.606
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.571.757.059)	(337.199.590)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		756.392.993	177.867.270
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		404.662.367	411.340.729
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(3.267.837.800)**	**(1.911.335.003)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		7.126.372.977	5.590.254.405
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.079.266.278)	(3.916.345.893)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**4.047.106.699**	**1.673.908.512**
50	**Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ**		**723.377.838**	**(634.297.919)**
60	**Tiền đầu kỳ**	**4**	**601.272.163**	**1.547.434.971**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**1.324.650.001**	**913.137.052**

Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Hồ Thị Kim Chi	Võ Trường Sơn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ quý III năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này như đã nêu tại *Thuyết minh số 30*.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su và vườn cây hồ tiêu của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su và hồ tiêu

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.10 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tiền gửi ngân hàng	1.322.922.377	598.599.684
Tiền mặt tại quỹ	1.727.624	2.663.448
Tiền đang chuyển	-	9.031
TỔNG CỘNG	**1.324.650.001**	**601.272.163**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	248.074.164	160.107.600
Phải thu hợp đồng xây dựng	237.161.429	56.702.357
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	195.382.329	48.671.742
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	52.583.708	81.833.334
Phải thu tiền bán căn hộ	18.987.638	29.612.038
TỔNG CỘNG	**752.189.268**	**376.927.071**

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 308.452.450 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 *(Thuyết minh số 29).*

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	148.537.998	151.781.582
TỔNG CỘNG	**148.537.998**	**151.781.582**

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 58.200.035 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 *(Thuyết minh số 29).*

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngắn hạn		
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	676.548.511	1.878.235.588
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác	650.000.000	494.230.016
Phải thu cho vay ngắn hạn nhân viên *(i)*	141.288.800	205.232.911
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Làng vận động viên SEA Games	-	27.488.988
	1.467.837.311	**2.605.187.503**
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	7.136.477.617	5.889.056.889
Trong đó:		
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (ii)	*3.401.185.936*	*3.807.185.936*
Cho vay dài hạn các bên liên quan khác	*3.735.291.681*	*2.081.870.953*
Phải thu cho vay dài hạn các công ty, cá nhân khác *(iii)*	2.781.518.827	1.613.869.736
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu *(iv)*	536.559.221	468.094.619
Phải thu cho vay dài hạn nhân viên *(i)*	208.323.690	-
	10.662.879.355	**7.971.021.244**
TỔNG CỘNG	**12.130.716.666**	**10.576.208.747**

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho nhân viên có thời hạn hoàn trả từ 3 đến 36 tháng tính từ ngày giải ngân, có lãi suất theo lãi suất thị trường và được rà soát, điều chỉnh 6 tháng một lần.

(ii) Đây là các khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV–HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL–AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VNĐ và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm).

(iii) Cho vay dài hạn các công ty khác thể hiện khoản cho vay dài hạn tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 8 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 10,0% đến 15,1%/năm.

(iv) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cấn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

8. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	864.921.064	548.899.120
Lãi cho vay các công ty, cá nhân khác	111.318.744	439.104.915
Phải thu hợp đồng ủy thác *(i)*	84.341.106	68.932.500
Phải thu nhân viên	9.123.939	16.383.959
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	76.667	316.265
Ký quỹ ngắn hạn	-	50.120
Các khoản khác	26.337.589	25.919.900
	1.096.119.109	**1.099.606.779**
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") *(ii)*	285.349.100	219.554.100
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	467.560
	285.863.780	**220.021.660**
TỔNG CỘNG	**1.381.982.889**	**1.319.628.439**

(i) Đây là khoản phải thu Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, liên quan tới chi phí thuê mua một máy bay Embraer Legacy 600 ("Máy Bay") với Công ty Cổ phần Hàng Không Lưỡng Dụng Ngôi Sao Việt ("VSA") theo hợp đồng Ủy thác Đầu tư ngày 8 tháng 10 năm 2014. Theo đó, Ông Đoàn Nguyên Đức sẽ trở thành chủ sở hữu chiếc máy bay và có quyền khai thác cũng như quyền sử dụng Máy Bay theo quy định pháp luật hiện hành. Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện khoản tiền đặt cọc thuê mua Máy Bay cho VSA.

(ii) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mia để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao sao tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-AĐM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	126.420.971	206.774.904
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.090.446	55.012.072
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	*66.055.191*	*41.376.750*
Hoạt động sản xuất	*12.998.047*	*13.599.322*
Dịch vụ cung cấp	*37.208*	*36.000*
Hàng hóa	45.397.470	17.740.810
Thành phẩm	17.235.376	12.617.847
Vật liệu xây dựng	2.033.690	7.285.010
Nguyên vật liệu	191.324	9.024.930
Công cụ, dụng cụ	91.671	610.268
TỔNG CỘNG	**270.460.948**	**309.065.841**

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Vườn cây lâu năm*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	387.771.139	61.184.757	28.147.999	4.057.151	6.689.440	1.681.793	489.532.279
Mua sắm mới	-	1.688.319	14.484.162	529.012	-	-	16.701.493
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.007.878	-	-	-	-	-	1.007.878
Thanh lý trong kỳ	(148.558.596)	(19.906.112)	(1.594.695)	(1.277.943)	-	(1.573.733)	(172.911.079)
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	240.220.421	42.966.964	41.037.466	3.308.220	6.689.440	108.060	334.330.571
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(61.445.897)	(25.721.261)	(15.529.487)	(2.664.536)	(3.811.740)	(1.123.461)	(110.296.382)
Khấu hao trong kỳ	(6.096.280)	(3.498.240)	(2.669.532)	(318.062)	(719.425)	(13.508)	(13.315.047)
Thanh lý trong kỳ	24.877.402	11.292.295	1.162.131	1.041.615	-	1.118.958	39.492.401
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	(42.664.775)	(17.927.206)	(17.036.888)	(1.940.983)	(4.531.165)	(18.011)	(84.119.028)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	326.325.242	35.463.496	12.618.512	1.392.615	2.877.700	558.332	379.235.897
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	197.555.646	25.039.758	24.000.578	1.367.237	2.158.275	90.049	250.211.543

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VNĐ

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy vi tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	15.171.973	57.360.406
Thanh lý trong kỳ	(36.988.433)	-	(36.988.433)
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	5.200.000	15.171.973	20.371.973
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(4.520.158)	(4.520.158)
Khấu hao trong kỳ	-	(1.399.564)	(1.399.564)
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	-	(5.919.722)	(5.919.722)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	10.651.815	52.840.248
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	5.200.000	9.252.251	14.452.251

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Ngàn VNĐ

	Quyền sử dụng đất	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	81.183.514	15.001.180	96.184.694
Thanh lý trong kỳ	(81.183.514)	-	(81.183.514)
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	-	15.001.180	15.001.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(750.059)	(750.059)
Khấu hao trong kỳ	-	(375.030)	(375.030)
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	-	(1.125.089)	(1.125.089)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	81.183.514	14.251.121	95.434.635
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	-	13.876.091	13.876.091

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí trồng vườn tiêu	136.023.564	31.579.294
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.076.579	25.076.580
Chi phí trồng cây cao su	22.072.022	22.072.023
TỔNG CỘNG	**183.172.165**	**78.727.897**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

			Ngày 30 tháng 9 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	Đang hoạt động	79,52	5.443.421.358	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	85,75	3.253.537.647	85,75	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	95,58	2.532.179.575	92,81	1.532.179.575
Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) *(i)*	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane *(i)*	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	100,00	17.778.990
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
TỔNG CỘNG				**11.437.505.856**		**8.824.915.498**

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 9 năm 2015.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

		Ngày 30 tháng 9 năm 2015			*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*		
Tên công ty liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số lượng cổ phiếu*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*	*Số lượng cổ phiếu*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VNĐ*
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	1.185.000	42,55	11.850.000	1.185.000	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	6.000.000	30,00	183.183.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên *(*)*	Chăn nuôi	-	-	-	3.892.950	45,00	38.929.500
TỔNG CỘNG				**16.850.000**			**238.962.500**

(*) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã trở thành công ty con của Công ty.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	24.636.248	24.636.248
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	22.026.537	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
TỔNG CỘNG	**54.022.825**	**31.996.288**

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tiền thuê đất trả trước	10.034.066	10.237.634
Chi phí bán căn hộ	3.285.423	2.109.947
Công cụ, dụng cụ	1.038.859	2.615.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.105	822.100
TỔNG CỘNG	**14.370.453**	**15.785.426**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	175.202.666	63.496.149
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	76.358.128	-
Phải trả nhà thầu xây dựng	-	610.000
Các khoản khác	1.000.000	1.040.073
TỔNG CỘNG	**252.560.794**	**65.146.222**

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 16.587.103 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 *(Thuyết minh số 29)*.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	720.473.251	239.839.533
Khách hàng thương mại trả tiền trước	629.803.053	626.208.242
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	37.591.466	25.061.797
TỔNG CỘNG	**1.387.867.770**	**891.109.572**

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 937.248.526 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 *(Thuyết minh số 29)*.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 28)*	103.021.064	17.447.084
Thuế giá trị gia tăng	13.874.953	689.451
Thuế thu nhập cá nhân	1.076.562	1.088.733
Các khoản phải nộp khác	21.444	4.939
TỔNG CỘNG	**117.994.023**	**19.230.207**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí lãi vay	176.933.944	243.637.312
Chi phí hoạt động	1.180.877	8.213.860
TỔNG CỘNG	**178.114.821**	**251.851.172**

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	309.494.868	849.110.839
Các khoản khác	374.385.839	95.446.597
TỔNG CỘNG	**683.880.707**	**944.557.436**

22. VAY

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.150.000.000	850.000.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngân hàng	1.043.923.011	477.143.203
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	16.923.877	54.294.392
	4.440.846.888	**3.611.437.595**
Vay dài hạn		
Trái phiếu phát hành	8.721.228.298	5.548.579.830
Vay ngân hàng	18.232.373	32.294.873
	8.739.460.671	**5.580.874.703**
TỔNG CỘNG	**13.180.307.559**	**9.192.312.298**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tăng giảm vốn chủ sở hữu*

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
9 tháng năm 2014							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	-	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	203.586.985	203.586.985
Thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ	-	-	(686.640)	-	-	-	(686.640)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu *(*)*	718.132.540	-	-	-	-	(718.132.540)	-
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ của chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.360.000)	-	-	-	-	(5.360.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ phúc lợi	-	-	-	-	1.371.173	(2.193.877)	(822.704)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(5.524.019)	(5.524.019)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2014	**7.899.679.470**	**3.539.078.784**	**(686.640)**	**8.622.737**	**231.398.596**	**29.458.488**	**11.707.551.435**

(*) Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện hành được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu để chia cổ tức được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và giảm lợi nhuận chưa phân phối 718.132.540 ngàn VNĐ. Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi bốn (24) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên mức 7.899.679.470 ngàn VNĐ.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
9 tháng năm 2015						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	542.937.734	542.937.734
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ phúc lợi	-	-	-	27.146.887	(43.435.019)	(16.288.132)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(5.233.003)	(5.233.003)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	**7.899.679.470**	**3.539.078.784**	**(686.640)**	**276.903.170**	**521.827.976**	**12.236.802.760**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015 Cổ phiếu	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
Cổ phiếu phổ thông	*789.967.947*	*789.967.947*
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
Cổ phiếu phổ thông	*68.664*	*68.664*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
Cổ phiếu phổ thông	*789.899.283*	*789.899.283*

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VNĐ

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**593.721.750**	**228.699.750**	**1.878.150.040**	**809.432.551**
Trong đó:				
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	*311.556.377*	*98.649.841*	*839.809.058*	*213.622.729*
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	*232.646.289*	*59.557.688*	*687.319.634*	*384.205.621*
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	-	*214.941.818*	-
Doanh thu căn hộ	*43.107.060*	*52.642.003*	*101.808.879*	*155.313.626*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*6.412.024*	*17.850.218*	*34.270.651*	*56.290.575*
Các khoản giảm trừ	**-**	**-**	**(35.528)**	**(904.000)**
Hàng bán bị trả lại	-	-	*(35.528)*	*(904.000)*
Doanh thu thuần	**593.721.750**	**228.699.750**	**1.878.114.512**	**808.528.551**
Trong đó:				
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	*311.556.377*	*98.649.841*	*839.809.058*	*213.622.729*
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	*232.646.289*	*59.557.688*	*687.284.106*	*383.301.621*
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	-	*214.941.818*	-
Doanh thu căn hộ	*43.107.060*	*52.642.003*	*101.808.879*	*155.313.626*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*6.412.024*	*17.850.218*	*34.270.651*	*56.290.575*

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VNĐ

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lãi cho vay	266.798.569	242.675.434	797.661.593	677.807.889
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.422.965	1.427.503	35.963.233	8.722.637
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.378.470	14.030.969	13.709.885	37.967.636
Thu nhập từ các khoản đầu tư	-	6.158.674	6.827.001	7.502.143
Cổ tức nhận được	59.966	116.487.639	659.966	116.487.639
TỔNG CỘNG	**296.659.970**	**380.780.219**	**854.821.678**	**848.487.944**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Ngàn VNĐ

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	143.997.273	59.666.212	420.071.572	143.387.358
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	213.711.951	41.381.176	601.050.121	294.820.966
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	-	81.183.514	-
Giá vốn căn hộ	34.418.234	42.085.720	80.356.205	123.065.860
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.088.788	15.407.979	24.668.242	47.653.555
TỔNG CỘNG	**395.216.246**	**158.541.087**	**1.207.329.654**	**608.927.739**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VNĐ

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	320.655.689	249.366.374	878.483.364	696.209.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá	849.014	5.940.843	2.872.497	6.614.121
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(30.785.150)	-	-
Các khoản khác	-	18.525	6.492	98.574
TỔNG CỘNG	**321.504.703**	**224.540.592**	**881.362.353**	**702.922.521**

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VNĐ

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thu nhập khác	**2.971.523**	**670.904**	**160.526.622**	**2.761.075**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	562.900	-	155.925.996	-
Các khoản khác	2.408.623	670.904	4.600.626	2.761.075
Chi phí khác	**(3.006.991)**	**(605.250)**	**(4.597.048)**	**(2.160.143)**
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	-	-	(731.080)
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(239.807)	-	(719.424)	-
Các khoản khác	(2.767.184)	(605.250)	(3.877.624)	(1.429.063)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	**(35.468)**	**65.654**	**155.929.574**	**600.932**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

Ngàn VNĐ

	9 tháng năm 2015	*9 tháng năm 2014*
Thuế TNDN hiện hành	145.048.964	28.134.881
TỔNG CỘNG	**145.048.964**	**28.134.881**

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

Ngàn VNĐ

	9 tháng năm 2015	*9 tháng năm 2014*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**687.986.698**	**231.721.866**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.945.601	12.421.155
Các khoản phạt	423.614	230.440
Thu nhập cổ tức	(659.966)	(116.487.639)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiên	(26.927.918)	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	**666.768.029**	**127.885.822**
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	**146.688.966**	**28.134.881**
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(1.640.002)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	**145.048.964**	**28.134.881**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	17.447.084	35.091.960
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(59.474.984)	(49.894.060)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	**103.021.064**	**13.332.781**

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	257.951.827
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Doanh thu hợp đồng xây dựng	213.829.229
		Doanh thu bán hàng hóa	16.141.237
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	5.950.000
		Doanh thu bán tài sản cố định	394.048
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	211.820.686
		Mua hàng hóa và dịch vụ	15.413.490
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	572.040
		Chi phí khác	26.600
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	107.758.315
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	36.152.731
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	86.481.346
		Lãi cho vay	22.744.410
		Doanh thu bán hàng hóa	1.975.522
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	252.504
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	83.357.000
		Mua hàng hóa	869.710
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	147.490
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.717
		Thu chuyển nhượng cổ phần	12.449
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	40.749.749
		Doanh thu bán hàng hóa	28.611.394
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.608.710
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	67.118.642

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	33.561.758
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	18.902.038
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	40.915.757
		Thu chuyển nhượng cổ phần	2.199.578
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.480
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	38.084.991
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	14.279.490
		Chi phí quảng cáo	9.750.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.562.883
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	210.407
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	26.304.801
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	21.498.750
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	10.095.689
		Doanh thu bán hàng hóa	5.411.674
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	169.513
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	14.537.808
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	348.077
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Thu chuyển nhượng cổ phần	4.614.974
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	4.246.667
		Mua dịch vụ	1.430.337
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.122.789
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.585.248
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.647.302

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	162.074.164
		Phải thu cung cấp dịch vụ	21.714
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	68.286.616
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.382.672
		Bán tài sản cố định	440.511
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	38.551.023
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.809.821
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.855.367
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	2.069.809
		Bán hàng hóa	1.532.509
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	689.991
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	657.877
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	573.540
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	504.821
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	447.756
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	554.259
TỔNG CỘNG			**308.452.450**
Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán			
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước mua hàng hoá	58.200.035
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	500.000.000

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	107.416.943
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	67.183.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	1.948.568
TỔNG CỘNG			**676.548.511**
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	3.401.185.936
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	947.266.353
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gai Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	805.660.638
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	665.076.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	600.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	221.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	200.293.660
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	83.104.879
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	49.672.286
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	40.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	25.239.334
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	24.682.417
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.796.482
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	15.562.764
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.527.317

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (tiếp theo)			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.165.504
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	9.676.101
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.232.440
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	828.300
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	507.206
TỔNG CỘNG			**7.136.477.617**
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	468.458.501
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	109.486.418
		Chi phí trả hộ	1.658.574
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	105.984.375
		Chi phí trả hộ	2.440.389
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	67.652.361
		Chi phí trả hộ	292.289
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	34.661.480
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	20.946.304
		Chi phí trả hộ	276.341
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	14.279.490
		Chi phí trả hộ	2.283.762
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	10.095.689
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	5.950.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	4.246.667
		Chi phí trả hộ	459.949

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)			
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.567.242
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	1.122.789
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	434.385
TỔNG CỘNG			**864.921.064**
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	14.741.856
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	772.802
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	263.925
TỔNG CỘNG			**16.587.103**
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	283.244.030
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	143.999.314
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.157.988
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	81.461.947
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	74.560.755
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	60.294.030
		Ứng trước tiền mua hàng hóa	3.653.643
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	31.068.058

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

Ngàn VNĐ

Các bên liên quan	*Quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (tiếp theo)			
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	16.335.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	4.314.000
TỔNG CỘNG			**937.248.526**
Các khoản phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Vay mượn tạm	170.771.749
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	128.326.815
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	494.488
TỔNG CỘNG			**309.494.868**

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 9 tháng năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 9 tháng năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kết toán tổng hợp

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)*
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**6.383.017.379**	**(1.141.603.965)**	**5.241.413.414**
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	(81.783.240)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	216.819.471	160.107.600	376.927.071
Trả trước cho người bán ngắn hạn	220.714.082	(68.932.500)	151.781.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.605.187.503	2.605.187.503
Phải thu ngắn hạn khác	4.921.139.268	(3.821.532.489)	1.099.606.779
Tài sản ngắn hạn khác	16.434.079	65.349.161	81.783.240

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Bảng cân đối kết toán tổng hợp (tiếp theo)

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)*
TÀI SẢN DÀI HẠN	**16.805.621.866**	**1.103.319.427**	**17.908.941.293**
Phải thu về cho vay dài hạn	-	7.971.021.244	7.971.021.244
Phải thu dài hạn khác	6.333.833.672	(6.113.812.012)	220.021.660
Nguyên giá – Bất động sản đầu tư	15.001.180	81.183.514	96.184.694
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	828.317.509	(796.321.221)	31.996.288
Chi phí trả trước dài hạn	54.069.964	(38.284.538)	15.785.426
Tài sản dài hạn khác	467.560	(467.560)	-
NỢ PHẢI TRẢ	**11.473.253.084**	**(38.284.538)**	**11.434.968.546**
Phải trả dài hạn khác	7.983.345	(6.598.249)	1.385.096
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.619.159.241	(38.284.538)	5.580.874.703
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.598.249	6.598.249
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**11.715.386.161**	**-**	**11.715.386.161**
Quỹ đầu tư phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ

Ngàn VNĐ

	9 tháng năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*9 tháng năm 2014 (được trình bày lại)*
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	809.700.972	(268.421)	809.432.551
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.172.421)	268.421	(904.000)
Chi phí hoạt động tài chính - *Chi phí lãi vay*	*(685.148.827)*	*(11.060.999)*	*(696.209.826)*
Thu nhập khác	3.475.922	(714.847)	2.761.075
Chi phí khác	(2.874.990)	714.847	(2.160.143)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ

Ngàn VNĐ

	9 tháng năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*9 tháng năm 2014 (được trình bày lại)*
Chi phí lãi vay	685.148.827	11.060.999	696.209.826
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**96.500.874**	**11.060.999**	**107.561.873**
Tăng chi phí trả trước	18.155.186	(11.060.999)	7.094.187

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Hồ Thị Kim Chi	Võ Trường Sơn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015